

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 364/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Tổ 3, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn V, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Tổ 3, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn V có thời gian tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm và tiến tới hôn nhân vào năm 2006. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th (nay là xã T), huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01/2006 ngày 03/5/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V ham mê cờ bạc dẫn đến gia đình nợ nần chồng chất và thường xuyên uống rượu say về nhà đánh đập bà T, không

quan tâm chăm sóc gia đình, con cái nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Bà Nguyễn Thị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Nguyễn Bảo P, sinh ngày 07/12/2006 và Lê Phúc H, sinh ngày 08/01/2013. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Văn V đã được Tòa án nhân dân thị xã T triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương về mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông V thì chính quyền địa phương không rõ.

Con chung của bà T và ông V là cháu Lê Nguyễn Bảo P có văn bản trình bày ý kiến: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu P có nguyện vọng được sống với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn V được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết

định tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn V có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th (nay là xã T), huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01/2006 ngày 03/5/2006, là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị T xác định từ năm 2016 đến nay vợ chồng không còn sống chung và không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn. Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Lê Văn V đã được Tòa án nhân dân thị xã T tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông V không đến Tòa án cho thấy ông V không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và ông V đã từ bỏ quyền chứng minh, phản bác của mình. Tại Tòa án, bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông V, không còn muốn chung sống với ông V. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông V là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Lê Nguyễn Bảo P, sinh ngày 07/12/2006 và Lê Phúc H, sinh ngày 08/01/2013. Xét thấy, hiện tại các con chung đều đang sống cùng bà T, bà T có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung và các con chung đều có nguyện vọng sống chung với bà T. Do vậy, yêu cầu được nuôi con của bà T là có căn cứ chấp nhận quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của bà T.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con với bị đơn ông Lê Văn V như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Văn V.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Nguyễn Bảo P, sinh ngày 07/12/2006 và Lê Phúc H, sinh ngày 08/01/2013 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn V đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014279 ngày 08/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- UBND xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm